

Số: 118/2022/QĐST-HNGĐ

Chư Prông, ngày 08 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hòa giải thành lập ngày 29 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự N và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về nuôi con khi ly hôn:** Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn C có 03 (ba) con chung tên là Nguyễn Thị Thu Trang, sinh ngày 30/5/1995 hiện đã thành niên và tự lập được; Nguyễn Anh V, sinh ngày 16/01/1997 hiện đã thành niên và tự lập được và Nguyễn Thành P, sinh ngày 07/12/2005. Hiện tại chị N không có thai nghén gì.

Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn C tự N thỏa thuận như sau:

Con chung là Nguyễn Thị Thu Trang, sinh ngày 30/5/1995 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 16/01/1997 đều đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 07/12/2005 (như N vọng của con chung) cho chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc thay đổi hoặc chấm dứt việc trực tiếp nuôi con chung thực hiện khi có căn cứ làm P sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

2.2. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn C thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung đến khi có căn cứ làm P sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 110, 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.4. *Về án phí sơ thẩm:* Án phí sơ thẩm về giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Thuận tình ly hôn các đương sự phải nộp 50% tiền án phí sơ thẩm, cụ thể: Chị Bùi Thị N phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng); Anh Nguyễn Văn C phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng). Chị Bùi Thị N tự N nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm (cả phần của anh C) số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004597 ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chị Bùi Thị N được hoàn trả số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- UBND xã I (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Khương**

